

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y khoa trực thuộc Đại học Huế thành Trường Đại học Y - Dược trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Căn cứ Biên bản số 3014a và 3015a/BB-ĐHYD ngày 03 tháng 6 năm 2025 Họp rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hệ chính quy hệ chính quy;

Theo đề nghị của lãnh đạo Phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hệ chính quy thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh 2025.

Điều 3. Trưởng các Phòng: Đào tạo đại học; Tổ chức, Hành chính, TT&PC; các đơn vị liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Quốc Huy

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 3868/QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 7 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt) : Kỹ thuật hình ảnh y học
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh) : Medical Imaging Technology
3. Trình độ đào tạo : Đại học
4. Định hướng đào tạo : Thực hành
5. Mã ngành đào tạo : 7720602
6. Thời gian đào tạo : 4 năm
7. Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học có y đức; có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành Hình ảnh y học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

● Kiến thức

PO.01. Trang bị cho người học các kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin và khung năng lực số góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp.

PO.02. Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về cơ sở khối ngành, cơ sở ngành để vận dụng trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.

PO.03. Giúp người học vận dụng kiến thức chuyên ngành và kiến thức tự chọn của ngành kỹ thuật hình ảnh y học trong xây dựng, tổ chức và thực hành nghề nghiệp.

● Kỹ năng

PO.04. Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh phù hợp với những tình huống khác nhau.

PO.05. Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức về chẩn đoán hình ảnh, tự phát triển chuyên môn liên tục.

PO.06. Có kỹ năng tư duy hệ thống, giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác liên ngành.

PO.07. Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp một cách an toàn và hiệu quả.

● Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO.08. Hình thành tinh thần tự chủ và trách nhiệm để không ngừng hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phát triển nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức chung trong toàn Đại học Huế	
PLO1	Vận dụng được các kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và khung năng lực số góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp.	IV
PI1.1.	Vận dụng các kiến thức về Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.	IV
PI1.2.	Có chứng chỉ giáo dục Quốc phòng - An ninh, vận dụng được các kiến thức về Quốc phòng - An ninh để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	IV
PI1.3.	Có chứng chỉ giáo dục thể chất và có sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.	IV
PI1.4.	Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 (đối với trình độ đại học) hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quy định chung của Đại học Huế.	IV
PI1.5.	Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và khung năng lực số từ cơ bản đến chuyên sâu theo quy định của Bộ GD&ĐT.	IV
1.2	Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo và nhóm ngành	
PLO2	Áp dụng được các kiến thức nền tảng về cơ sở khối ngành, cơ sở ngành để vận dụng trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.	III
PI2.1.	Ứng dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, nghiên cứu khoa học, tâm lý y học - đạo đức y học trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.	III
PI2.2.	Áp dụng được các kiến thức về y học cơ sở, bệnh học Nội khoa và Ngoại khoa trong việc giải quyết các vấn đề thuộc ngành kỹ thuật hình ảnh y học.	III
1.3	Kiến thức chuyên ngành và tự chọn	
PLO3	Hiểu và áp dụng được các kiến thức chuyên ngành kỹ thuật hình ảnh y học trong thực hành nghề nghiệp.	III, IV
PI3.1.	Giải thích tóm tắt được những kiến thức về nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học, các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh trong y học.	III
PI3.2.	Nhận định và giải thích được bất thường hình ảnh dựa trên kiến thức về giải phẫu X quang thường quy, hình ảnh cắt lớp và các triệu chứng học hình ảnh cơ bản.	III
PI3.3.	Hiểu, vận hành các trang thiết bị X quang, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ, siêu âm, y học hạt nhân và xạ trị, điện quang can	IV

	thiệt, an toàn bức xạ.	
PI3.4.	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về Cấp cứu đa khoa, Nội soi cơ bản.	III
PLO4	Hiểu và áp dụng được các kiến thức tự chọn của ngành kỹ thuật hình ảnh y học trong xây dựng, tổ chức và thực hành nghề nghiệp.	III
PI4.1.	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về y học hạt nhân và xạ trị, tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh.	III
PI4.2.	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về bảo quản máy, điện quang can thiệp.	III
1.4	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp	
PLO5	Vận dụng được kiến thức thực tập và tốt nghiệp trong các hoạt động chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh và nghiên cứu khoa học.	III
PI5.1.	Áp dụng các kiến thức Thực hành bệnh viện, Thực tế nghề nghiệp trong xử lý vấn đề và thực hiện chức năng nghề nghiệp một cách độc lập.	III
PI5.2.	Áp dụng các kiến thức tốt nghiệp tổng hợp trong các hoạt động chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh và nghiên cứu khoa học.	III
2.	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề	
PLO6	Đưa ra quyết định chăm sóc và giải quyết vấn đề dựa trên nhận định, phân tích, và phản biện phù hợp sức khỏe của từng bệnh lý.	III
PI6.1.	Thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh hằng ngày với khả năng tư duy phản biện có hệ thống phù hợp trong những tình huống khác nhau.	III
PI6.2.	Giải quyết vấn đề và sử dụng các can thiệp thay thế phù hợp với những điều kiện môi trường, con người thay đổi.	III
2.2	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	
PLO7	Ứng dụng được kiến thức nghiên cứu khoa học vào trong học tập, thực hành kỹ thuật hình ảnh.	III, IV
PI7.1.	Giải thích được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng trong thực hành kỹ thuật hình ảnh.	III
PI7.2.	Thực hiện được nghiên cứu khoa học và áp dụng các bằng chứng khoa học vào công tác chăm sóc, thực hành kỹ thuật hình ảnh.	IV
PI7.3.	Tham gia xây dựng chương trình, lập kế hoạch tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho đồng nghiệp.	III
PI7.4.	Tham gia đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng kỹ thuật thích ứng với môi trường làm việc.	III
2.3	Kỹ năng tư duy hệ thống	
PLO8	Giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, hợp tác liên ngành.	IV
PI8.1.	Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa các cá nhân và các nhóm liên ngành.	IV

PI8.2.	Làm việc độc lập, thực hiện tốt y lệnh, làm việc nhóm hiệu quả với các thành viên khác trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.	IV
PI8.3.	Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông, phương tiện nghe nhìn trong giao tiếp và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh, cộng đồng.	IV
2.4	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO9	Xây dựng kế hoạch, tổ chức, tham gia thực hiện các công việc liên quan đến công tác thực hành nghề nghiệp một cách an toàn, hiệu quả.	III
PI9.1.	Tiến hành các kỹ thuật thông thường và các kỹ thuật X quang có dùng thuốc cản quang, cắt lớp trên máy chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ.	III
PI9.2.	Phân tích được chất lượng hình ảnh và phát hiện các bất thường trên hình ảnh/phim.	III
PI9.3.	Thực hiện được quy trình chuẩn bị bệnh nhân, chuẩn bị phương tiện dụng cụ trong một số kỹ thuật điện quang can thiệp cơ bản, các kỹ thuật cơ bản trong y học hạt nhân và xạ trị.	III
PI9.4.	Tham gia tổ chức và quản lý được một khoa chẩn đoán hình ảnh theo quy định.	III
PI9.5.	Tham gia đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng.	III
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO10	Thực hành nghề nghiệp với tinh thần tự chủ, trách nhiệm cá nhân, có đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp và hành nghề theo pháp luật.	III
PI10.1.	Thể hiện tinh thần phục vụ, trách nhiệm công dân và khả năng thích nghi với môi trường học tập và làm việc đa dạng.	III
PI10.2.	Tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy tắc an toàn trong môi trường lao động, chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng trong thực hành chăm sóc.	III
PI10.3.	Chịu trách nhiệm đến các quyết định và kết quả liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho người bệnh, gia đình, và cộng đồng.	III
PI10.4.	Thể hiện năng lực tự học, học tập liên tục, suốt đời để duy trì, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, và tham gia các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp, đóng góp vào việc nâng cao vai trò và vị thế của ngành chẩn đoán hình ảnh.	III

Ghi chú: Trình độ năng lực:

Nhóm	Trình độ năng lực	Mô tả
1. Nhớ	0.0-2.0 (I)	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
2. Hiểu	2.0-3.0 (II)	Có hiểu biết/có thể tham gia
3. Vận dụng	3.0-3.5 (III)	Có khả năng vận dụng
4. Phân tích	3.5-4.0 (IV)	Có khả năng phân tích

5. Đánh giá	4.0-4.5(V)	Có khả năng đánh giá
6. Sáng tạo	4.5-5.0 (VI)	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

3. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				L T	TH
I		Kiến thức giáo dục đại cương	32	29	3
		1.1. Các môn chung:	22	22	0
1	101.DHY.1.00.2	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học và khung năng lực số cho người học	2	2	0
2	101.DHF.1.00.07	NNCB: Theo Quyết định 1492/QĐ-ĐHH ngày 16/11/2016 về chuẩn đầu ra năng lực Ngoại ngữ không chuyên	7	7	0
3	101.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
4	101.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
5	101.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
6	101.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
7	101.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8	602.DHF.1.01.3	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2	0
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	10	7	3
9	602.KCB.2.03.3	Công nghệ thông tin và Xác suất - Thống kê y học	3	2	1
10	602.KCB.2.01.3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3	2	1
11	602.KCB.2.02.2	Sinh học tế bào và Di truyền	2	1	1
12	602.YCC.2.01.2	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0
III		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	105	49	56
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	23	15	8
13	602.GPH.3.01.3	Giải phẫu	3	2	1
14	602.SLY.3.01.2	Sinh lý	2	1	1
15	602.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	1	1
16	602.GPB.3.01.3	Giải phẫu bệnh - Mô phôi	3	2	1
17	602.DLY.3.01.2	Dược lý	2	1	1
18	602.SHY.3.01.2	Hóa sinh	2	1	1
19	602.YCC.3.02.3	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học	3	3	0
20	602.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
21	602.NOI.3.01.2	Bệnh học Nội khoa và Ngoại khoa	2	2	0
22	602.YCC.3.03.2	Nghiên cứu khoa học	2	1	1
		2.2. Kiến thức ngành:	71	30	41
23	602.CDH.4.01.3	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	3	2	1
24	602.CDH.4.02.4	Giải phẫu X-quang thường quy	4	2	2
25	602.CDH.4.03.2	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 1	2	1	1

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				L T	TH
26	602.CDH.4.04.2	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 2	2	1	1
27	602.CDH.4.05.4	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 1	4	2	2
28	602.CDH.4.06.2	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	2	1	1
29	602.CDH.4.07.3	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp	3	2	1
30	602.CDH.4.08.3	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	3	2	1
31	602.CDH.4.09.4	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	4	2	2
32	602.CDH.4.10.3	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1	3	2	1
33	602.CDH.4.11.3	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2	3	2	1
34	602.UBU.4.01.2	Y học hạt nhân và xạ trị 1	2	1	1
35	602.CDH.4.12.2	Kỹ thuật siêu âm 1	2	1	1
36	602.CDH.4.13.2	Kỹ thuật siêu âm 2	2	1	1
37	602.CDH.4.14.2	An toàn bức xạ	2	1	1
38	602.CDH.4.15.2	Triệu chứng học hình ảnh	2	1	1
39	602.CDH.4.16.2	Điện quang can thiệp 1	2	1	1
40	602.CDH.4.17.2	Điện quang can thiệp 2	2	1	1
41	602.CDH.4.18.2	Thực hành bệnh viện 1	2	0	2
42	602.CDH.4.19.2	Thực hành bệnh viện 2	2	0	2
43	602.CDH.4.20.2	Thực hành bệnh viện 3	2	0	2
44	602.CDH.4.21.2	Thực hành bệnh viện 4	2	0	2
45	602.CDH.4.22.2	Thực hành bệnh viện 5	2	0	2
46	602.CDH.4.23.2	Thực hành bệnh viện 6	2	0	2
47	602.CDH.4.24.2	Thực tế nghề nghiệp 1	2	0	2
48	602.CDH.4.25.2	Thực tế nghề nghiệp 2	2	0	2
49	602.CDH.4.26.2	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật 1	2	1	1
50	602.CCK.4.01.2	Cấp cứu đa khoa	2	1	1
51	602.NOI.4.02.2	Nội soi cơ bản	2	1	1
52	602.YGD.4.01.2	Giáo dục liên ngành	2	1	1
		2.3. Kiến thức tự chọn: SV chọn 4/8 tín chỉ, 2/4 học phần	4	2	2
53	602.UBU.5.02.2	Y học hạt nhân và xạ trị 2	2	1	1
54	602.CDH.5.27.2	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	2	2	0
55	602.CDH.5.28.2	Bảo quản máy	2	1	1
56	602.CDH.5.29.2	Điện quang can thiệp 3	2	1	1
		2.4. Dự án học thuật và tốt nghiệp	7	2	5
		2.4.1. Dự án học thuật	3	0	3
57	602.CDH.4.30.3	Đề tài khoa học	3	0	3
		2.4.2. Tốt nghiệp	4	2	2
58	602.PDH.4.01.2	Lý thuyết	2	2	0
59	602.PDH.4.02.2	Thực hành	2	0	2
TỔNG CỘNG			137	78	59

Stt	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				L T	TH
IV		Các học phần thay thế			
1	602.CDH.5.31.2	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 2	2	1	1
2	602.CDH.5.32.2	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật 2	2	1	1
3	602.CDH.5.33.2	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 3	2	1	1
4	602.CDH.5.34.2	Y học hạt nhân và xạ trị 3	2	1	1
5	602.CDH.5.35.2	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 3	2	1	1

Ghi chú: Trong 137 tín chỉ có 07 tín chỉ Ngoại ngữ không chuyên và 02 tín chỉ Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục y học và khung năng lực số cho người học không tính vào trung bình chung học tập.